

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 154/TTr-SNN&MT ngày 08 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long:

“2. Mẫu hồ sơ

a) Mẫu hồ sơ đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị:

Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Mẫu hồ sơ đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

3. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án phát triển sản xuất

a) Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

Cơ quan, đơn vị thực hiện dự án thông báo lựa chọn hồ sơ đề nghị dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trên các phương tiện truyền thông hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

Xây dựng dự án: Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân ở địa phương nơi dự kiến triển khai dự án để khảo sát lựa chọn nội dung hoạt động, đối tượng tham gia, địa bàn thực hiện dự án; lập hồ sơ đề nghị dự án theo mẫu quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Quy định này.

Việc thẩm định, lựa chọn, phê duyệt dự án: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

Tổ chức thực hiện dự án: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 và 7 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP. Đơn vị chủ trì liên kết tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án với cơ quan, đơn vị thực hiện dự án theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 khi có yêu cầu và khi kết thúc dự án.

b) Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

Xây dựng dự án: Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân ở địa phương nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng hồ sơ đề nghị thực hiện dự án theo mẫu quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Quy định này.

Việc thẩm định, lựa chọn, phê duyệt dự án: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

Tổ chức thực hiện dự án: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 và 7 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số

38/2023/NĐ-CP. Cộng đồng dân cư tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án gửi Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BLĐTBXH khi có yêu cầu và khi kết thúc dự án.”.

Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các sở, ngành liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực 14; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2025.

4. Khi các văn bản được viện dẫn để áp dụng theo Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 2;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- CT. Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh;
- GD. Sở Tư pháp tỉnh;
- CT. UBND các địa phương;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Phòng: KTNV, VH-XH;
- Lưu: VT.07.KTNV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH